

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Diệu Tuyết Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Hòa

Bà Nguyễn Thị Viêt Sáu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Châu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hương - Kiểm sát V.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Hữu D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố A, phường Ph Th, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thế V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu phố A, phường Ph Th, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Hữu D có mặt; bị đơn bà Nguyễn Thế V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Hữu D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu D và bà Nguyễn Thế V tự tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thủy,

thành phố Phan Thiết vào ngày 18/02/2004. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, vợ làm đổ nợ gây ảnh hưởng đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã làm cho đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nên ông Lê Hữu D thường xuyên bỏ nhà đi Sài Gòn để làm ăn, vợ chồng ít sống gần nhau. Ông D cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng kéo dài nhiều năm, kể từ thời gian ông D bị bà V phát hiện có người phụ nữ khác bên ngoài, bà V đòi ly hôn nhưng sau đó có tha thứ để vợ chồng quay lại chung sống. Nhưng kể từ thời gian đó đến nay giữa vợ chồng đã rạn nứt tình cảm, vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Hiện nay ông Lê Hữu D và bà V đã sống ly thân nhau, ông D đã dọn ra ngoài để sống, mạnh ai nấy sống, ông D chỉ liên lạc để hỏi thăm con cái. Nay thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau được nữa nên ông Lê Hữu D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thế V.

- Về con chung: Ông Lê Hữu D và bà Nguyễn Thế V có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Diệu L, sinh ngày 26/8/2004 và Lê Nguyễn Diệu Ph, sinh ngày 24/12/2013. Hiện con chung Lê Nguyễn Diệu L đã trưởng thành nên ông Lê Hữu D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung Lê Nguyễn Diệu Ph, sau ly hôn ông Lê Hữu D đồng ý để bà Nguyễn Thế V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông D sẽ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Lê Hữu D trình bày ông và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Hữu D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các ý kiến trình bày tại các phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thế V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thế V và ông Lê Hữu D tự tìm hiểu, chúng sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết vào ngày 18/02/2004. Quá trình chung sống bà Nguyễn Thế V thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách đây khoảng 4 năm bà V phát hiện ông D có qua lại với người phụ nữ khác bên ngoài nên bà có nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó được Tòa án hòa giải nên bà V có xin rút lại đơn vì thương con cái còn nhỏ, sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con cái nên bà V chấp nhận tha thứ, sau đó vợ chồng quay lại chung sống với nhau bình thường. Từ lúc nộp đơn ly hôn đến nay ông D bỏ nhà đi, đi đâu thì bà V không rõ. Từ khi ông D bỏ nhà đi đến nay thì giữa bà V và ông D không có liên lạc gì với nhau, ông D cũng không có gửi tiền chu cấp cho con cái. Bà V cho rằng ông D có mối quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác nhưng bà không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Hiện nay giữa bà V và ông D đã sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, ông D không còn quan tâm gì đến gia đình và con cái. Nay ông Lê Hữu D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn thì

bà V không đồng ý vì bà còn thương chồng, mong vợ chồng quay lại chung sống vì con cái.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thế V và ông Lê Hữu D có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Diệu L, sinh ngày 26/8/2004 và Lê Nguyễn Diệu Ph, sinh ngày 24/12/2013. Hiện con chung Lê Nguyễn Diệu L đã trưởng thành nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án vẫn giải quyết cho chúng tôi ly hôn thì bà V có nguyện vọng được nuôi con và đồng ý với số tiền ông D cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thế V trình bày ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thế V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên nguyên đơn ông Lê Hữu D vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thủ ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Lê Hữu D được ly hôn với bà Nguyễn Thế V. Về con chung: Giao con chung tên là Lê Nguyễn Diệu Ph, sinh ngày 24/12/2013 cho bà Nguyễn Thế V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Hữu D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Hữu D yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Bị đơn bà Nguyễn Thế V có nơi cư trú tại: Khu phố A, phường Ph Th, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để các đương sự đoàn tụ gia đình, tuy nhiên nguyên đơn ông Lê Hữu D kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn, do đó hòa giải không thành. Tòa án mở phiên tòa để xét xử đối với vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thế V đã có bản tự khai, đã tham gia các phiên hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa ấn định ngày mở lại phiên tòa cho bà Nguyễn Thế V. Tuy nhiên bà V vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thế V đã có bản tự khai, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu D và bà Nguyễn Thế V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2004 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Hữu D và bà Nguyễn Thế V đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã cho nhau cơ hội để quay lại chung sống với nhau nhưng chỉ được một thời gian, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện ông Lê Hữu D và bà Nguyễn Thế V không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau, ông D chỉ gọi điện về để hỏi thăm con cái. Tại bản tự khai và các phiên hòa giải bà Nguyễn Thế V không đồng ý ly hôn, vì bà cho rằng còn thương chồng, mong vợ chồng quay lại chung sống vì con cái. Tuy nhiên, Tòa án đã mở phiên hòa giải 03 lần để các đương sự hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng cả hai bên đương sự đều không hòa giải được với nhau, cuộc sống chung đã không còn tồn tại nên có cơ sở

khẳng định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Nay, ông Lê Hữu D yêu cầu được ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông Lê Hữu D là có căn cứ nên chấp nhận

[3.2] Về con chung: Ông Lê Hữu D và bà Nguyễn Thế V có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Diệu L, sinh ngày 26/8/2004 và Lê Nguyễn Diệu Ph, sinh ngày 24/12/2013. Hiện con chung Lê Nguyễn Diệu L đã trưởng thành nên ông Lê Hữu D và bà Nguyễn Thế V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung Lê Nguyễn Diệu Ph, tại bản tự khai bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi Dưỡng sau ly hôn và yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp Dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 2.000.000 đồng. Ông Lê Hữu D đồng ý để bà Nguyễn Thế V trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng con chung và ông D đồng ý cấp Dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện con chung Lê Nguyễn Diệu Ph đang ở cùng và do bà Nguyễn Thế V chăm sóc. Do đó để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Lê Nguyễn Diệu Ph, sinh ngày 24/12/2013 cho bà V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, ông Lê Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng với số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Lê Hữu D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8; Điều 9; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu D được ly hôn với bà Nguyễn Thế V.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Lê Nguyễn Diệu Ph, sinh ngày 24/12/2013 cho bà Nguyễn Thế V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành V gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông Lê Hữu D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Nguyễn Thế V mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng/tháng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Ông Lê Hữu D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ngày 01/02/2023, ông Lê Hữu D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0014154. Số tiền tạm ứng án phí này chuyển sang án phí. Do đó, ông Lê Hữu D chỉ còn phải nộp thêm 300.000 tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/4/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Diệu Tuyết Trinh

